

# BÁO CÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

(Đính kèm Tờ trình số 16/2018/TT-HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty ngày 24/04/2018)

Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung này được xây dựng dựa trên Điều lệ Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín sửa đổi, bổ sung ngày 02/11/2017. Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung của một số điều khoản như dưới đây nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và nhu cầu quản trị, định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín.

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Điểm a, Khoản 1, Điều 1	"Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này	"Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này	Chuẩn hóa thuật ngữ
2.	Khoản 1 Điều 1	Chưa định nghĩa	Bổ sung định nghĩa về Luật Chứng khoán "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010; <b>"Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</b>	Bổ sung để đảm bảo cơ sở viện dẫn
3.	Điểm d, e Khoản 1 Điều 1	d. "Cán bộ quản lý" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc điều hành Công ty và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch	e. "Người điều hành Công ty" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc và kế toán trưởng của Công ty;	Bổ sung cho phù hợp với các quy định "Người có liên quan" và người điều hành

		của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty. e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp	f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của <b>Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;</b>	theo Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán
4.	Khoản 1 Điều 3	Đại lý du lịch-chỉ tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;	Bỏ ngành nghề đăng ký kinh doanh này.	Phù hợp với yêu cầu về ngành nghề hạn chế nhà đầu tư nước ngoài
5.	Điều 4	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.  2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Chuẩn hóa thuật ngữ
6.	Khoản 2,7 Điều 5	2. Công ty có thể <b>điều chỉnh vốn điều lệ</b> khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.  7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông <b>hoặc Hội đồng quản trị</b> nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	2. Công ty có thể <b>tăng, giảm vốn điều lệ</b> khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.  7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Chuẩn hóa thuật ngữ
7.	Khoản 5 Điều	5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho	Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán	Bổ sung nội dung giải

	5	các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác...	cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. <b>Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp để cổ đông có thể đăng ký mua....</b>	thích cho rõ ràng và đầy đủ
8.	Điều 6	<b>Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu</b>  3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày người sở hữu cổ phần nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày người sở hữu cổ phần thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.	<b>Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu</b>  <del>3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày người sở hữu cổ phần nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc</del> Trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày người sở hữu cổ phần thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.	Đề chủ động về thời hạn trong việc cấp chứng chỉ cổ phiếu.
9.	Điều 8	<b>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</b>  1. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật khác có quy định khác.	<b>Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần</b>  1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ này và	Chuẩn hóa thuật ngữ.

		<b>Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.</b> Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.	pháp luật khác có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.	
10.	Điều 10	<b>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý</b> Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban Kiểm soát; 4. Tổng giám đốc.	<b>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý</b> Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng giám đốc.	Sửa đổi theo cơ cấu tổ chức quản lý được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp.
11.	Điểm b, g khoản 2 Điều 11	<b>Điều 11. Quyền của của đông</b> <b>b. Nhận cổ tức</b> g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số <b>cổ phần góp vốn vào Công ty</b> sau khi Công ty đã thanh toán cho <b>chủ nợ và thanh toán thứ tự cho các cổ đông ưu đãi theo quy định của pháp luật;</b>	<b>Điều 11. Quyền của cổ đông</b> <b>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</b> g. Trường hợp Công ty giải thể <b>hoặc phá sản</b> , được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <b>tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty</b> sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) <b>cho chủ nợ và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty</b>	Chuẩn hóa và quy định rõ hơn

			theo quy định của pháp luật;	
12.	Điểm a, d Khoản 3 Điều 11	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Đề cử hoặc ứng cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 36 của Điều lệ này;</p> <p>d. Yêu cầu <b>Ban kiểm soát</b> kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản trị, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p><b>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</b></p> <p>a. Đề cử hoặc <b>tự</b> ứng cử vào Hội đồng quản trị <del>hoặc Ban kiểm soát</del> theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 24 <del>và Khoản 2 Điều 36</del> của Điều lệ này;;</p> <p>d. Yêu cầu <b>Hội đồng quản trị</b> kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p>	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điều 10 Điều lệ được sửa đổi.
13.	Điểm a, b, d, đ, Khoản 3 Điều 11 và Khoản 4 Điều	<p>a) Đề cử hoặc ứng cử các thành viên Hội đồng quản trị <del>hoặc Ban kiểm soát</del> theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 <del>và Khoản 2 Điều 36</del> của Điều lệ này;</p> <p><b>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập</b></p>	<p>a) Đề cử hoặc ứng cử các thành viên Hội đồng quản trị <del>hoặc Ban kiểm soát</del> theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 <del>và Khoản 2 Điều 36</del> của Điều lệ này;</p> <p><b>b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	Đối với điểm a, d, đ: Thay thế và chỉnh sửa cho phù hợp với cơ cấu mới tại Điều 10

	11	<p>Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d) <b>Yêu cầu Ban kiểm soát</b> kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản trị, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.....</p> <p>đ) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và</p>	<p>trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>(ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>d) Yêu cầu <b>Hội Đồng Quản trị</b> kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản trị, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.....</p> <p>e) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống</p>	<p>của Điều lệ;</p> <p>Đối với điểm b: chỉnh lại cho phù hợp với Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp</p>
--	----	--	---	---

		<p><b>hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát</b></p> <p>4. Các cổ đông ưu đãi có các quyền theo quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>kế toán Việt Nam trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty;</b></p> <p><b>Bổ Khoản 4</b></p>	
14.	Điều 12	<p>- Chưa quy định</p> <p>- Khoản 2 Điều 12:</p> <p>2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>Cổ đông phổ thông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.</p>	<p>- Bổ sung tương ứng khoản 2 như sau:</p> <p>2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.</p> <p><b>- Sửa lại như sau:</b></p> <p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>4. Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. <i>Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</i></p>	Cơ cấu lại điều khoản và giải thích cho rõ ràng hơn
15.	Điều 13	<b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 13. Đại Hội Đồng Cổ Đông</b>	Quy định lại để mang

	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <b>Ban kiểm soát</b> ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn <b>một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</b></p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan)</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính <b>trừ trường hợp gia hạn theo quy định của pháp luật.</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Khi số thành viên của <b>Hội đồng quản trị</b> còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p><b>d. Khi số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật;</b></p> <p>e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan) <b>hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan</b></p>	<p>tính bao quát hơn</p> <p>Sửa đổi phù hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Sửa đổi để quy định chặt chẽ hơn và phù hợp quy định tại Thông tư 95/2017/TTT-BTC</p>
--	---	--	---



16.	<b>Khoản 4 Điều 13</b>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, e Khoản 3 Điều này.</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, <b>Ban kiểm soát</b> phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c) Trường hợp <b>Ban kiểm soát</b> không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, <b>Ban kiểm soát</b> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này.</p> <p>b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm d Khoản <b>Error! Reference source not found.</b> Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm e Khoản <b>Error! Reference source not found.</b> Điều này. <i>Quy định này không áp dụng đối với trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp, khi đó, Hội đồng quản trị được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại khoản 3 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p>c. Trường hợp <b>Hội đồng quản trị</b> không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a và điểm b Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm e Khoản <b>Error! Reference source not found. Error! Reference source not found.</b> có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p>
-----	----------------------------	---	---	---

			Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.	
17.	<b>Khoản 1 Điều 14</b>	<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>d. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.</p>	<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p><del>c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</del></p> <p>d. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 10 của Điều lệ sửa đổi
18.	<b>Điểm d, e, f Khoản 2 Điều 14</b>	<p>d. Lựa chọn Công ty kiểm toán</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị <b>và Ban kiểm soát;</b></p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị <b>và Ban kiểm soát;</b> Báo cáo tiền thù lao của</p>	<p>d. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị <b>và Ban kiểm soát;</b></p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị <b>và Ban kiểm soát;</b> Báo cáo tiền</p>	Chuẩn hóa thuật ngữ cho phù hợp với mô hình mới

		Hội đồng quản trị;	thù lao của Hội đồng quản trị; Bổ sung điểm p Khoản 2 Điều 14 p. Thông qua định hướng phát triển của công ty.	
19.	<b>Khoản 2 Điều 17</b>	Chưa Quy định	Bổ sung thêm các nội dung sau: Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;	Đầy đủ và rõ ràng hơn, phù hợp với quy định của pháp luật
20.	<b>Khoản 4 Điều 17</b>	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 5 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	4.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 5 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm	Bổ sung nội dung để rõ nghĩa

			giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp	
21.	<b>Khoản 2 Điều 18</b>	<p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng <b>ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội</b>, đại hội phải được triệu tập lại trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong <b>vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội</b>, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	<p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này <b>trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội</b>, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này <b>trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội</b>, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập lại trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần</p>	Bổ sung để rõ nghĩa, điều chỉnh thời gian khai mạc đại hội

			thứ nhất dự kiến phê chuẩn	
22.	Khoản 4,5,6 , 9,10,11 Điều 19	<p><b>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p> <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:</p> <p style="padding-left: 40px;">a) <i>Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;</i></p>	<p><b>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì <del>Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</del> một trong các thành viên Hội đồng quản trị có quyền điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp</p> <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh phù hợp với Điều 10 của Điều lệ sửa đổi</li> <li>- Điều chỉnh phù hợp quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp.;</li> <li>- Điều chỉnh để bảo đảm phù hợp khoản 7 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.</li> </ul>

		<p>b) <i>Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp;</i></p> <p>c) <i>Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị trì hoãn trước đó.</i></p> <p>d) <i>Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết</i></p> <p><b>9. Hội đồng quản trị</b> có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><b>10. Hội đồng quản trị</b>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a) <i>Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>b) <i>Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại</i></p>	<p>họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:</p> <p>a) <i>Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</i></p> <p>b) <i>Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</i></p> <p>c) <i>Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</i></p> <p><b>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><b>10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là</p>	
--	--	---	--	--

		<p>địa điểm đó;</p> <p>c) <i>Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p><b>Hội đồng quản trị</b> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, <b>Hội đồng quản trị</b> khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p>	<p>thích hợp để:</p> <p>a. <i>Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>b. <i>Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp đó;</i></p> <p>c. <i>Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p><b>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, <b>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p>	
23.	Khoản 3, 4 Điều 20	<p><b>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên HĐQT và BKS, HĐQT sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT <b>và BKS</b> phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được <del>và Ban kiểm soát có thể</del> thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên HĐQT <del>và BKS</del>, HĐQT sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT <del>và BKS</del></p>	- Điều chỉnh phù hợp với Điều 10 của Điều lệ sửa đổi.

	<p>Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị <b>hoặc Ban kiểm soát</b> và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>4. Nghị quyết phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định tại khoản này.</p>	<p>phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.</p> <p>Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị <del>hoặc Ban kiểm soát</del> và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>Nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị trúng cử theo phương thức bầu dồn phiếu không đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 của Điều lệ, thì các ứng viên thành viên độc lập Hội đồng quản trị sẽ được ưu tiên lựa chọn (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên thành viên độc lập Hội đồng quản trị cho đến khi đạt số lượng tối thiểu) để trúng cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, các thành viên Hội đồng quản trị không độc lập đã trúng cử mà có số phiếu bầu thấp nhất tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp sẽ bị thay thế bởi chính các thành viên</p>	
--	--	---	--



			độc lập Hội đồng quản trị được lựa chọn theo phương thức nêu trên và, theo đó, sẽ không thuộc danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị.	
24.	<b>Khoản 5, 6 Điều 21</b>	<p><b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>5. ....</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, không chính xác;</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty;</p>	<p><b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>5.....</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, <b>chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác</b></p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <b>kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty;</b></p>	
25.	<b>Điểm c, khoản 2,</b>	<b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Phù hợp với quy định của pháp luật về công

	<b>Điều 22 Bổ sung thêm khoản 4</b>	<p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>c) Phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.</p>	<p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>c. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua.</p> <p><i>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản</i></p>	bổ thông tin
26.	<b>Điều 23</b>	<p><b>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 17 của Điều lệ này;</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra <b>quyết định và nội dung quyết định</b> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông <b>trong vòng 30 ngày</b> theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b>hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b> không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 17 của Điều lệ này <b>và tại Khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp;</b></p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra <b>Nghị quyết và nội dung Nghị quyết</b> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ</p>	<p><b>Bổ sung thêm trường hợp hủy bỏ theo quy định của pháp luật.</b></p> <p>Điều chỉnh số ngày triệu tập lại để tạo sự thuận tiện</p>

			chức lại Đại hội đồng cổ đông <b>trong vòng 90 ngày</b> theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này	
27.	<b>Khoản 1, 2 Điều 24</b>	<p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là <b>05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người</b>. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm 5 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Việc đề cử Thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03)</p>	<p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là <b>03 (ba) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người</b>. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm 5 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. <del>Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</del></p> <p>2. Việc đề cử Thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <b>trong thời hạn liên</b></p>	<p><b>Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP;</b></p> <p>Bổ sung thêm cụm từ <b>“trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng”</b> để đầy đủ nghĩa và phù hợp với Luật Doanh nghiệp</p>

		<p>ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.</p>	<p><b>tục ít nhất sáu tháng</b> được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <b>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</b> được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <b>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</b> được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <b>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</b> được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <b>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</b> được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <b>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.</b></p>	
28.	<b>Khoản 4, 5 Điều 24</b>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các</p>	<b>Chuẩn hóa câu từ</b>

		<p>tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị mới được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm đến trước ngày Đại hội đồng cổ đông không chấp thuận và mọi quyết định của Hội đồng quản trị trong thời gian này có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>	<p>cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e) Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><b>Đề xuất bỏ khoản 5</b></p>	<p>Hiện nay, Luật DN và Nghị định 71 không còn quy định vấn đề này</p>
29.	<p><b>Khoản 8 Điều 24</b></p>	<p>8. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) <i>Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</i></p>	<p>7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định <b>tại khoản 1 Điều 151 Luật Doanh Nghiệp;</b></p>	<p>Phù hợp và đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp;</p>

		<p>b) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>9. Việc <b>bổ nhiệm</b> các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>9. Việc <b>bầu</b> nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Phù hợp quy định của pháp luật.</p>
30.	<p><b>Khoản 2, 3</b> <b>Điều 25</b></p>	<p><b>Điều 25. quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và <b>các cán bộ quản lý khác</b>.</p> <p>3. .... Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;</p>	<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và <b>Người điều hành Công ty</b>.</p> <p>3. .... Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>c) Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, các chế độ khác đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc; Ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;</p>	<p>Phù hợp với thuật ngữ tại nghị định 71/2017/NĐ-CP</p>

	<p>e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với <b>cán bộ quản lý</b> cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý <b>chống lại cán bộ quản lý đó</b>;</p> <p>g) Quyết định việc phát hành trái phiếu và đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>l) Quyết định đầu tư, phương án đầu tư, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có <b>giá trị nhỏ hơn 70%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>n) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc, Phó giám đốc các bộ phận trong Công ty và các công ty trực thuộc; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>o) <b>Thông qua quy chế quản trị Công ty; Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty,</b></p>	<p>e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với <b>Người điều hành</b> cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý <b>đối với Người điều hành đó</b>;</p> <p>g) Quyết định việc phát hành trái phiếu và đề xuất việc phát hành trái phiếu <b>chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước trình Đại hội đồng cổ đông quyết định</b></p> <p>l) Quyết định đầu tư, phương án đầu tư, dự án đầu tư hoặc bán tài sản <b>có giá trị dưới 70%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>Đề xuất bỏ vì đã quy định tại điểm c</p> <p>o) <b>Quyết định quy chế nội bộ về quản trị</b></p>	
--	--	---	--

		<p>quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>q) Kiến nghị mức cổ tức <b>được trả</b>; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>s) Đề xuất việc <b>tái cơ cấu lại</b> hoặc giải thể Công ty.</p>	<p><b>công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận</b> thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p> <p>q) Kiến nghị mức cổ tức <b>hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời</b>; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>s) Đề xuất việc <b>tổ chức lại</b> hoặc giải thể Công ty</p>	
31.	Khoản 4 Điều 25	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư <b>vượt kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm</b>;</p> <p>l) Chưa quy định</p>	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt <b>quá 10% giá trị</b> kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>l) Bổ sung thêm: Các định mức Kinh tế kỹ thuật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p>	Bổ sung thêm để rõ ràng
32.	Khoản 8, Điều 25	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. <b>Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày.</b> Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội</p>	<p>8. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị.. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả</p>	



		đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.	thuận được;	
33.	Điều 26	<p><b>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị <b>để bầu ra một Chủ tịch và các Phó Chủ tịch</b>. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty và <b>phải</b> được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;</p> <p>2. ....</p> <p>Chưa quy định điểm f khoản 2</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn <b>mười (10) ngày</b>.</p>	<p><b>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để <b>bầu ra một Chủ tịch và tùy theo từng thời kỳ, có thể bầu một hoặc nhiều Phó Chủ tịch</b>. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty <b>nếu được</b> phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p><b>2.....</b></p> <p><b>Bổ sung thêm điểm f, khoản 2</b></p> <p>f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật và Điều lệ này.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn <b>ba mươi (30) ngày</b>.</p>	<p>Bổ sung thêm để có cơ sở viện dẫn.</p> <p>Tạo sự thuận tiện trong việc tìm kiếm và bổ nhiệm</p>
34.	Điều 27	<p><b>Điều 27: Ủy quyền tham dự cuộc họp thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ</p>	<p><b>Điều 27: Ủy quyền tham dự cuộc họp thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng</p>	<p>Để đảm bảo cuộc họp được các thành viên HĐQT đồng ý.</p>

		quyền cho người khác dự họp Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.	quản trị có thể uỷ quyền cho người khác dự họp Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật.	
35.	Điều 28	<p><b>Điều 28. Các cuộc họp của Hội Đồng quản trị</b></p> <p>3. Đối với các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm <b>cán bộ quản lý</b>;</p> <p>b) Ít nhất hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) <b>Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.</b></p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của <b>kiểm toán viên độc lập</b>, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 2</p>	<p><b>Điều 28. Các cuộc họp của Hội Đồng quản trị</b></p> <p>3. Đối với các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>d) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm <b>Người quản lý khác</b>;</p> <p>e) Ít nhất hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>f) <b>Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.</b></p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của <b>công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty</b>, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Chuẩn hóa thuật ngữ</p>

	<p>ngày làm việc trước khi tổ chức họp, <b>các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.</b> Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của từng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>15. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. <b>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp</b></p> <p>16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và <b>ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.</b> Trong quá trình thực hiện quyền hạn được giao, các tiểu ban phải tuân</p>	<p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 2 ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của từng thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><b>15. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản</b></p> <p><b>16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị và tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị có thể bỏ</b></p>	<p>Chuẩn hóa thuật ngữ cho phù hợp.</p> <p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 154 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Chỉnh sửa cho phù hợp với Điều 17 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.</p>
--	--	--	---

		thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.	<b>nhiệm 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</b> Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng	
36.	Điều 29	Chưa quy định về Ban Kiểm toán nội bộ	<b>Điều 29. Ban Kiểm toán nội bộ</b> 1. Công ty có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu, thành phần, các tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm toán nội bộ; quyền và nghĩa vụ; cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ và chi phí hoạt động được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. 2. Các vấn đề khác có liên quan đến tổ chức hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.	Bổ sung phù hợp với Điều 10 của Điều lệ sửa đổi.
37.	<b>Điều 31</b>	<b>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền</b>	<b>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ</b>	Để tạo sự thuận tiện

		<p><b>hạn của Tổng giám đốc</b></p> <p>2. Nhiệm kỳ: Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc <b>là 3 (ba) năm</b> trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động</p> <p>Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và những điều kiện sau:</p> <p>a) Không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản;</p> <p>b) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.</p>	<p><b>và quyền hạn của Tổng giám đốc</b></p> <p>2. Nhiệm kỳ: Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc <b>không quá 05 (năm) năm</b> trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm <b>với số nhiệm kỳ không hạn chế</b>. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. <b>Tổng giám đốc không được phép là người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này.</b></p> <p>3. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và những điều kiện theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp.</p>	trong việc điều hành
38.	<b>Khoản 3 Điều 31</b>	<p><b>3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</b></p> <p>Chưa quy định</p>	<p><b>4. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</b></p> <p><b>Bổ sung thêm:</b></p> <p>b. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị</p>	Bổ sung thêm để đảm

		<p>b. Kiến nghị số lượng và các loại <b>cán bộ quản lý</b> mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị quyết định, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của <b>cán bộ quản lý</b>;</p>	<p>bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị quyết định, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>c. Kiến nghị số lượng <b>Người điều hành</b> mà Công ty cần thuê <b>hoặc tuyển dụng</b> để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của <b>Người điều hành</b>;</p>	<p>bảo việc điều hành</p> <p>Thông nhất thuật ngữ</p>
39.	<b>Khoản 7 Điều 31</b>	<p>7. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	<p>8. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.</p> <p><b>Đối với trường hợp Tổng Giám đốc xin từ chức thì phải có đơn gửi Hội đồng quản trị, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải có quyết định xử lý vụ việc</b></p>	<p>Bổ sung thêm trong trường hợp Tổng giám đốc từ chức</p>
40.	Điều 32	<p><b>Điều 32. Thư ký Công ty</b></p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều</p>	<p><b>Điều 33. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty</b></p>	<p>Để phù hợp với quy định tại Nghị Định</p>

	<p>người làm <b>Thư ký Công ty</b> với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty nhưng không được trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</li> <li>2. Làm biên bản các cuộc họp;</li> <li>3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</li> <li>5. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp quy định pháp luật</li> </ol> <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một (hoặc nhiều) <b>Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty</b> để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Thư ký làm nhiệm vụ phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</li> <li>2. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</li> <li>3. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;</li> <li>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</li> <li>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>d) Tham dự các cuộc họp;</li> <li>e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của</li> </ol> </li> </ol>	71/2017/NĐ-CP
--	--	--	---------------

			<p>Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;</p> <p>f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</p> <p>h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i) Các quyền và nghĩa vụ khác tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p>	
41.		<p><b>Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm</b> thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực <b>và theo phương thức mà họ tin</b> là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận</p>	<p><b>Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <b>Người điều hành khác</b> được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực <b>vì lợi ích cao nhất của Công ty</b> và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	Chuẩn hóa thuật ngữ



		trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.		
42.	<b>Điều 34</b>	<p><b>Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên</b>, Tổng giám đốc và <b>cán bộ quản lý</b> không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên</b>, Tổng giám đốc và <b>cán bộ quản lý</b> có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. <b>Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</b></p> <p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên</b>, Tổng giám đốc, <b>cán bộ quản lý khác</b> và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với</p>	<p><b>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <b>Người điều hành khác</b> không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <b>Người điều hành khác</b> có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. <b>Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác</b>, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <b>Người điều hành khác</b> và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên, <b>trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành</b></p>	Bổ sung cho thống nhất với cơ cấu tổ chức mới của Công ty tại Điều 10 của Điều lệ này và chuẩn hóa cho phù hợp với các quy định của pháp luật chứng khoán.

	<p>một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên</b>, Tổng giám đốc, <b>cán bộ quản lý</b>, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <b>cán bộ quản lý</b> hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá <b>vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</b></p> <p>a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng/giao dịch cũng như các mối quan hệ và <b>lợi ích họ</b> đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị <b>hoặc tiểu ban liên quan</b>. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b) Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng/giao dịch đó cũng như mối quan hệ và lợi ích <b>của họ</b> đã <b>được công bố</b> cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p><b>có quy định khác.</b></p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên <b>Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác</b>, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <b>Tổng Giám đốc, Người điều hành</b> hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, <b>sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</b></p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng/giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích <b>của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác</b> đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng/giao dịch đó cũng như mối quan hệ và lợi ích của <b>thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác</b> đã được công bố cho</p>	
--	--	--	--

		<p>c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được <b>Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị</b> hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên</b>, Tổng giám đốc, <b>cán bộ quản lý</b> hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</p>	<p>các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được <b>Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <b>Người điều hành khác</b> và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
43.	Khoản 1 Điều 35	<p><b>Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên</b>, Tổng giám đốc và <b>cán bộ quản lý</b> vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p><b>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <b>Người điều hành khác</b> vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	Bổ sung cho thống nhất với cơ cấu tổ chức mới của Công ty tại Điều 10

44.	<b>Chương X Điều 36, 37</b>	<b>Quy định Chương X bao gồm Điều 36. Kiểm soát viên và Điều 37. Ban kiểm soát</b>	<b>Bổ toàn bộ chương X về Ban kiểm soát (Điều 36 và Điều 37)</b>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 10 Điều lệ sửa đổi
45.	<b>Khoản 2 Điều 38.</b>	<b>Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên</b> , Tổng giám đốc <b>và cán bộ quản lý</b> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	<b>Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc <b>và Người điều hành khác</b> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Điều chỉnh phù hợp với Điều 10 Điều lệ sửa đổi
46.	<b>Điều 40</b>	<b>Điều 40. Phân phối lợi nhuận</b> 7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày chốt danh sách cổ đông này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. 8. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi	<b>Điều 40. Phân phối lợi nhuận</b> <b>7. Bổ khoản 7</b>  7. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức	Thực hiện theo quy định của pháp luật.  Viết gọn lại, việc chi trả được thực hiện

		<p>ngày trước mỗi lần trả cổ tức. <i>Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i></p> <p>9. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.</p>	<p>được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. <i>Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</i></p> <p><b>Bổ khoản 9</b></p>	theo phương thức được duyệt.
47.	<b>Điều 41</b>	<p><b>Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</b></p> <p>Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật, Công ty sẽ trích lập các Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và các Quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị là cơ quan quyết định sử dụng các quỹ này theo mức trích lập đã được Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><b>Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</b></p> <p>Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	Để thuận tiện và nhất quán trong việc viện dẫn.

		thông qua.		
48.	<b>Khoản 3 Điều 42</b>	Điều 42. <b>Tài khoản ngân hàng</b>  3. Chưa quy định	<b>Bổ sung thêm</b>  <b>3.</b> Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.	
49.	<b>Điều 43</b>	<b><i>Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i></b> Hàng năm, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.	<b><i>Điều 42. Trích lập quỹ</i></b> Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật, Công ty sẽ trích lập các Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ và các Quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị là cơ quan quyết định sử dụng các quỹ này theo mức trích lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Quy định tổng quát và đầy đủ hơn
50.	<b>Điều 44</b>	<b>Điều 44. Năm tài khóa</b>	<b>Điều 43. Năm Tài chính</b>	Chỉnh sửa thuật ngữ cho phù hợp

51.	Khoản 1 Điều 45	<p><b>Điều 45. Hệ thống kế toán</b></p> <p>1. <b>Hệ thống kế toán</b> Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>	<p><b>Điều 44. Chế độ kế toán</b></p> <p>1. <b>Chế độ kế toán</b> Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>	Chuẩn hóa thuật ngữ
52.		<p><b>Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b></p> <p>1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan;</p> <p>2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông;</p> <p>3. Mọi tổ chức cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b></p> <p><del>1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan;</del></p> <p><del>2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông;</del></p> <p><del>3. Mọi tổ chức cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.</del></p> <p>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	Nội dung này đã được quy định trong các quy phạm pháp luật chuyên ngành
53.		<p><b>Điều 48. Kiểm toán</b></p> <p>1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định <b>một danh sách các công ty kiểm toán độc</b></p>	<p><b>Điều 47. Kiểm toán</b></p> <p>1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định <b>một công ty kiểm toán độc lập hoặc</b></p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 50 Điều lệ mẫu được ban hành

	<p><b>lập</b>, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết. Hội đồng quản trị sẽ lựa chọn một công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán được Đại hội đồng cổ đông thông qua để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng <b>hai tháng</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	<p><b>thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập</b>, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết và <b>ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</b> Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng <b>ba tháng</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</b></p>	<p>kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC</p> <p>Bổ sung thêm để phù hợp với Nghị định 71 và Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>
--	--	---	---



54.	<b>Điểm e khoản 1 Điều 50</b>	<b>Điều 50. Chấm dứt hoạt động</b> 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: f. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	<b>Điều 50. Chấm dứt hoạt động</b> Bỏ điểm e, khoản 1, Điều 50	Vì có những trường hợp chỉ thu hồi tạm thời và được khôi phục sau đó. Nên bỏ để tạo sự thuận tiện
55.	<b>Điều 54</b>	<b>Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b> 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa: a) Cổ đông với Công ty; hoặc b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, <b>Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý.</b> 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra <b>Toà án kinh tế TP.HCM.</b>	<b>Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b> 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa: a) Cổ đông với Công ty; hoặc b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc <b>hay Người điều hành khác</b> 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra <b>Toà án có thẩm quyền giải quyết.</b>	Chuẩn hóa thuật ngữ  Để phù hợp về thẩm quyền giải quyết của Tòa.
56.	<b>Điều 56</b>	<b>Điều 56. Ngày hiệu lực</b> 2. Điều lệ được lập thành <b>05 bản</b> , có giá trị như nhau.	<b>Điều 55. Ngày hiệu lực</b> 2. Điều lệ được lập thành <b>10 bản</b> , có giá trị như nhau	

**Lưu ý:**

- Trong trường hợp các điều khoản sửa đổi, bổ sung được thông qua, Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung sẽ được đánh số thứ tự điều khoản lại cho hợp lý mà không làm thay đổi nội dung đã được thông qua. Các thuật ngữ, định nghĩa, các nội dung viện dẫn tương ứng cũng sẽ được điều chỉnh lại tại các điều khoản khác có liên quan cho phù hợp với tính logic của Điều lệ
- Nội dung nêu tại Báo cáo rà soát này là những nội dung thay đổi nổi bật so với Điều lệ hiện hành để quý cổ đông tiện theo dõi, ngoài ra còn có các nội dung khác sửa đổi theo quy định nhưng không có ảnh hưởng lớn đến quyền của cổ đông theo quy định, chi tiết vui lòng xem dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm